

# **ITW** Performance Polymers

## PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU KORROBOND 65 COMPONENT B

### PHẦN 1: Nhận dạng chất/ hỗn hợp chất và công ty/doanh nghiệp

#### Nhận dạng sản phẩm

Tên sản phẩm KORROBOND 65 COMPONENT B

Số hiệu sản phẩm KORRO65B

**Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp có liên quan được xác định và mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên**

Mục đích sử dụng đã được xác định Keo họ epoxy.

#### Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu

Nhà cung cấp ITW Performance Polymers  
Bay 150  
Shannon Industrial Estate  
Co. Clare  
Ireland  
V14 DF82  
353(61)771500  
353(61)471285  
customerservice.shannon@itwpp.com

#### Số điện thoại khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

### PHẦN 2: Nhận dạng nguy hại

#### Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Nguy hại vật chất Không xếp loại

Nguy hại về sức khỏe Độc tính cấp tính loại 4 - H302 Độc tính cấp tính loại 4 - H312 Ăn mòn da loại 1B - H314 Tổn thương mắt loại 1 - H318 Mẫn cảm da loại 1 - H317 Độc tính hô hấp loại 1 - H304

Nguy hại về môi trường Mãn tính thủy sinh loại 3 - H412

Sức khỏe con người Ăn mòn da và mắt.

#### Thành phần nhân

#### Hình đồ



#### Từ cảnh báo

Nguy hiểm

#### Câu cảnh báo nguy cơ

H302+H312 Gây hại nếu nuốt phải hoặc tiếp xúc với da.  
H304 Có thể gây tử vong nếu nuốt phải hoặc hít phải.  
H314 Gây bỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng.  
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.  
H412 Gây hại cho đời sống thủy sinh với tác ảnh hưởng lâu dài.

## KORROBOND 65 COMPONENT B

<b>Câu phòng ngừa</b>	<p>P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ.</p> <p>P301+P310 <b>NẾU NUỐT PHẢI:</b> Gọi <b>TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/</b> bác sĩ ngay lập tức.</p> <p>P303+P361+P353 <b>NẾU ĐÍNH VÀO DA (hoặc tóc):</b> Cởi quần áo nhiễm hóa chất ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm.</p> <p>P305+P351+P338 <b>NẾU ĐÍNH VÀO MẮT:</b> Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa.</p> <p>P501 <b>Thải bỏ hóa chất/ bình chứa</b> theo quy định quốc gia.</p>
<b>Bao gồm</b>	2-PIPERAZIN-1-YLETHYLAMINE, DIISOPROPYLNAPHTHALENE ISOMERS, TRIETHYLENETETRAMINE

### Các nguy hại khác

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được phân loại PBT (bền vững, dễ tích tụ sinh học và độc hại) hoặc vPvB (rất bền vững, rất dễ tích tụ sinh học).

### **PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần**

#### **Hỗn hợp**

<b>2-PIPERAZIN-1-YLETHYLAMINE</b>	<b>60-100%</b>
Số CAS: 140-31-8	
<b>Phân loại</b> Độc tính cấp tính loại 4 - H302 Độc tính cấp tính loại 4 - H312 Ăn mòn da loại 1B - H314 Tổn thương mắt loại 1 - H318 Mẫn cảm da loại 1 - H317 Mẫn tính thủy sinh loại 3 - H412	
<b>DIISOPROPYLNAPHTHALENE ISOMERS</b>	<b>10-30%</b>
Số CAS: 38640-62-9	
<b>Phân loại</b> Độc tính hô hấp loại 1 - H304 Mẫn tính thủy sinh loại 4 - H413	
<b>TRIETHYLENETETRAMINE</b>	<b>10-30%</b>
Số CAS: 112-24-3	
<b>Phân loại</b> Độc tính cấp tính loại 4 - H312 Ăn mòn da loại 1B - H314 Tổn thương mắt loại 1 - H318 Mẫn cảm da loại 1 - H317 Mẫn tính thủy sinh loại 3 - H412	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

### **PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu**

#### **Mô tả các biện pháp sơ cứu**

**Thông tin chung**      Tránh hít phải hơi và tiếp xúc với da và mắt. Trong trường hợp tai nạn hay thấy không được khỏe, tìm tư vấn y tế ngay lập tức (cho họ xem nhãn nếu có thể).

## KORROBOND 65 COMPONENT B

<b>Sự hít phải</b>	Đưa người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí ngay lập tức. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.
<b>Sự ăn phải</b>	Không cố nôn ra. Uống nhiều nước. Tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Đưa người bị ảnh hưởng ra khỏi nguồn gây nhiễm. Rửa sạch da với xà phòng và nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút và tìm hỗ trợ y tế. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

### Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

<b>Thông tin chung</b>	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.
------------------------	--

### Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

<b>Ghi chú cho bác sĩ</b>	Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
---------------------------	---

### **PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn**

#### Cách chữa cháy

<b>Cách chữa cháy phù hợp</b>	Dập lửa với các phương tiện sau: Dập lửa với bọt chống cồn, cacbon dioxit, bột khô hoặc bình xịt phun sương.
-------------------------------	--

#### Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

<b>Những nguy hại cụ thể</b>	Tránh hít khí hoặc hơi cháy.
------------------------------	------------------------------

#### Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

<b>Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy</b>	Keep up-wind to avoid fumes. Không sử dụng bình xịt nước để dập lửa, vì việc này sẽ làm lan rộng đám cháy. Kiểm soát nước chảy bằng cách chứa và giữ không để chảy vào hệ thống cống rãnh và kênh rạch.
---	---

<b>Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa</b>	Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.
--	--

### **PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn**

#### Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

<b>Những cảnh báo cho cá nhân</b>	Warn everybody of potential hazards and evacuate if necessary. Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Không hút thuốc, đánh lửa, lửa trần hoặc các nguồn cháy khác gần chỗ tràn đổ. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Không hít hơi/ bụi nước.
-----------------------------------	--

#### Các cảnh báo về môi trường

<b>Những cảnh báo về môi trường</b>	Tránh tràn đổ hoặc chảy xuống ống thoát nước, cống rãnh hoặc kênh rạch. Tràn đổ và xả thải không kiểm soát vào nguồn nước phải được báo cáo ngay lập tức với Cục Môi trường hoặc cơ quan quản lý thích hợp khác.
-------------------------------------	--

#### Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

<b>Các phương pháp lau dọn</b>	Hấp thụ chất tràn đổ với chất liệu hấp thụ không dễ cháy. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Các thùng chứa chất bị tràn đổ phải được ghi nhãn đúng quy cách với thành phần chính xác và ký hiệu nguy hại.
--------------------------------	---

#### Tham khảo cho các phần khác

<b>Tham khảo cho các phần khác</b>	Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.
------------------------------------	---

## KORROBOND 65 COMPONENT B

### PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ

#### Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

**Những lưu ý khi sử dụng** Chỉ sử dụng trong khu vực thông gió tốt. Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Tránh làm đổ ra ngoài. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Tránh hít phải hơi. Không để gần nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Avoid eating, drinking and smoking when using the product. Không sử dụng trong không gian kín mà không có hệ thống thông gió tốt và/hoặc mặt nạ phòng độc. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt.

#### Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

**Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất** Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

#### Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

**(Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng** Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

### PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

**Chú thích thành phần** Không có giới hạn phơi nhiễm cho các thành phần này.

#### Quản lý phơi nhiễm

##### Thiết bị bảo hộ



**Kiểm soát kỹ thuật phù hợp** Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực.

**Bảo hộ mắt/mặt** Phải đeo kính theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro chỉ ra việc tiếp xúc với mắt có thể xảy ra. Đeo thiết bị bảo hộ sau: Kính chống hóa chất bắn tóe. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

**Bảo hộ tay** Đeo găng tay bảo hộ làm từ chất liệu sau: Rubber or plastic. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thẩm thấu ít nhất 8 giờ. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn.

**Bảo hộ khác cho da và cơ thể** Đeo tạp dề hoặc quần áo bảo hộ trong trường hợp tiếp xúc.

**Các biện pháp về vệ sinh** Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho động vật. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thay quần áo làm việc hàng ngày trước khi rời nơi làm việc.

**Bảo hộ cho hô hấp** Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo hộ hô hấp phù hợp. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc kết hợp, loại A2/P3. Mặt nạ phải vừa với khuôn mặt và bộ lọc phải được thay thường xuyên. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

### PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

#### Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

**Hình dáng bên ngoài** Chất lỏng.  
**Màu sắc** Đen.  
**Mùi đặc trưng** Mùi amoniac.

**KORROBOND 65 COMPONENT B**

<b>Độ pH</b>	pH (dung dịch đậm đặc): 12 @ 20 °C
<b>Điểm nóng chảy</b>	-18°C
<b>Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi</b>	>200°C @
<b>Điểm chớp cháy</b>	>100°C
<b>Áp suất hơi</b>	0.07 mmHg @ °C
<b>Tỷ trọng tương đối</b>	0.97 @ 20 °C
<b>Tính tan</b>	Không tan trong nước.
<b>Nhiệt độ tự bốc cháy</b>	>150°C
<b>Thông tin khác</b>	Không có.

**PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất**

<b>Khả năng hoạt động của chất</b>	Chất oxy hóa mạnh.
<b>Mức độ ổn định của chất</b>	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
<b>Khả năng gây ra phản ứng nguy hại</b>	Không có.
<b>Các tình trạng cần tránh</b>	Tránh nhiệt, ngọn lửa và các nguồn phát lửa khác. Tránh nhiệt độ quá cao trong khoảng thời gian kéo dài.
<b>Các vật liệu cần tránh</b>	Tránh tiếp xúc với chất oxy hóa. Nitrous acid and other nitrosating agents.
<b>Các sản phẩm cháy nguy hại</b>	Fire or high temperatures create: Khí chứa nitơ (NOx). Oxit của các chất sau: Cacbon monoxit (CO). Cacbon dioxit (CO2). Vapours/gases/fumes of: Amoniac hoặc amin.

**PHẦN 11: Thông tin về độc tính****Thông tin về tác động của độc tính****Độc tính cấp tính- qua đường miệng**

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường miệng (mg/kg) 753,81

**Độc tính cấp tính- qua da**

Dự đoán độ độc cấp tính qua da (mg/kg) 1.383,13

<b>Sự ăn phải</b>	Gây hại nếu nuốt phải. Gây ăn mòn. Một lượng nhỏ có thể gây hủy hoại nghiêm trọng.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Gây bỏng. Gây ăn mòn. Tiếp xúc kéo dài gây hủy hoại tế bào nghiêm trọng. Harmful in contact with skin. May cause sensitisation by skin contact.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Gây bỏng. Một lần phơi nhiễm đơn có thể gây ra các tác hại sau: Hủy hoại giác mạc. Nguy cơ hủy hoại mắt nghiêm trọng.
<b>Nguy hại sức khỏe cấp tính và mãn tính</b>	Sản phẩm này gây ăn mòn. Sản phẩm này gây ăn mòn. Sản phẩm này có thể gây kích ứng da và mắt. Tiếp xúc kéo dài có thể gây bỏng.
<b>Đường phơi nhiễm</b>	Qua đường thở Hấp thu vào da Ingestion.

## KORROBOND 65 COMPONENT B

**Cơ quan mục tiêu** Gan Thận Hệ hô hấp, phổi Hệ thần kinh trung ương

### PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

<b>Độc tính môi sinh</b>	Avoid release to the environment. Sản phẩm này chứa một chất có hại đối với sinh vật thủy sinh và do đó có thể gây ra tác hại lâu dài cho môi trường thủy sinh.
<b>Độc tính</b>	Không được cho là gây độc cho cá.
<b><u>Độ bền vững và độ phân hủy</u></b>	
<b>Độ bền và độ phân hủy</b>	Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.
<b><u>Tiềm năng tích tụ sinh học</u></b>	
<b>Khả năng tích lũy sinh học</b>	Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.
<b><u>Tính di động trong đất</u></b>	
<b>Tính di động</b>	Tránh hoặc hạn chế tối đa việc tạo ra ô nhiễm môi trường. Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất.
<b><u>Các tác động có hại khác</u></b>	
<b>Các tác động có hại khác</b>	Không có.

### PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ

#### Các biện pháp xử lý chất thải

<b>Thông tin chung</b>	Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc.
<b>Các phương pháp thải bỏ</b>	Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.
<b>Nhóm chất thải</b>	08 04 09*

### PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển

**Chung** Không có thông tin khác.

#### Số UN

**Số UN (Đường bộ/Đường sắt)** 2735

**Số UN (IMDG)** 2735

**Số UN (ICAO)** 2735

#### Tên vận chuyển chuẩn UN

**Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt)** AMINES, LIQUID, CORROSIVE, N.O.S. or POLYAMINES, LIQUID, CORROSIVE, N.O.S (2-PIPERAZIN-1-YLETHYLAMINE, TRIETHYLENETETRAMINE)

**Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (IMDG)** AMINES, LIQUID, CORROSIVE, N.O.S. or POLYAMINES, LIQUID, CORROSIVE, N.O.S (2-PIPERAZIN-1-YLETHYLAMINE, TRIETHYLENETETRAMINE)

**Tên chuẩn dùng khi vận chuyển (ICAO)** AMINES, LIQUID, CORROSIVE, N.O.S. or POLYAMINES, LIQUID, CORROSIVE, N.O.S (2-PIPERAZIN-1-YLETHYLAMINE, TRIETHYLENETETRAMINE)

#### Vận chuyển các nhóm chất nguy hại

**Nhóm Đường bộ/Đường sắt** 8

**Nhãn Đường bộ/Đường sắt** 8

**KORROBOND 65 COMPONENT B**

Nhóm IMDG 8

Nhóm/ mục ICAO 8

Nhãn vận chuyển

**Nhóm đóng gói**Nhóm đóng gói Đường II  
bộ/Đường sắt

Nhóm đóng gói IMDG II

Nhóm đóng gói ICAO II

**Các nguy hại về môi trường**

Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh

Không.

**Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng**

EmS F-A, S-B

Số xác định nguy hại (Đường bộ/Đường sắt) 80

Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và mã IBC Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

Phụ lục II của MARPOL 73/78 và mã IBC

**PHẦN 15: Thông tin luật định****PHẦN 16: Thông tin khác**

Ngày sửa đổi 05/04/2018

Sửa đổi 24

Ngày thay thế 11/08/2017

**Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ**

H302 Gây hại nếu nuốt phải.  
 H304 Có thể gây tử vong nếu nuốt phải hoặc hít phải.  
 H312 Gây hại nếu tiếp xúc với da.  
 H314 Gây bỏng da và tổn thương mắt nghiêm trọng.  
 H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.  
 H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.  
 H412 Gây hại cho đời sống thủy sinh với tác ảnh hưởng lâu dài.  
 H413 Có thể gây ra tác hại lâu dài đến đời sống thủy sinh.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.